

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA HÓA HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (CHÍNH THỨC)
HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24- 25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VND)	HB KHÁC (VND)	TIỀN THỰC NHẬN (VND)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	21247215	Trần Hoàng Nhi	14	8	8,1	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	11.234.630		11.234.630	Không tính học phí học phần điểm P	CNKT Hóa
2	21247221	Trần Hoàng Phát	14	8	7,89	Khá	Khá	Khá	100% HP thực đóng	13.761.600		13.761.600	Không tính học phí học phần điểm P	CNKT Hóa
3	21247244	Đoàn Thị Thanh Thương	10	8	7,86	Khá	Khá	Khá	100% HP thực đóng	11.603.900		11.603.900		CNKT Hóa
4	22147007	Lê Diệp Thy Anh	13	11	8,86	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	19.469.010		19.469.010		Hóa học
5	22147041	Hồ Gia Huệ	13	11	8,67	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	19.469.010		19.469.010		Hóa học
6	22147105	Nguyễn Thành Phước	17	15	8,45	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	26.155.470		26.155.470		Hóa học
7	22147141	Nguyễn Thiện Trí	13	11	8,82	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	19.469.010		19.469.010		Hóa học
8	22247004	Vũ Phan Hoài An	15	15	8,89	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	26.688.970		26.688.970		CNKT Hóa
9	22247048	Lê Trương Hoàng Khang	15	15	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.087.440		25.087.440		CNKT Hóa
10	22247119	Nguyễn Đức Thịnh	16	16	8,93	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	26.372.500		26.372.500		CNKT Hóa
11	23147001	Nguyễn Bá Quốc Khánh	14	14	8,89	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	25.834.050	11.742.750	14.091.300	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
12	23147006	Nguyễn Thế Khang	14	14	8,96	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	25.834.050		25.834.050		Hóa học
13	23147035	Lâm Thi Thắng	14	14	9,26	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	28.182.600		28.182.600		Hóa học
14	23147036	Phan Tấn Thành	14	14	9,01	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	28.182.600		28.182.600		Hóa học
15	23247003	Nguyễn Ngọc Anh	14	14	8,99	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.479.140		20.479.140		CNKT Hóa
16	23247004	Trần Gia Bảo	14	14	9,41	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.340.880		22.340.880		CNKT Hóa
17	23247005	Lê Hồng Ngọc Giang	14	14	9,07	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.479.140		20.479.140		CNKT Hóa
18	23247006	Lâm Gia Hiếu	14	14	9,09	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.479.140		20.479.140		CNKT Hóa

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK2/24- 25	XL HT HK2/24- 25	XL ĐRL HK2/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
19	24147001	Phạm Duy An	17	12	9,05	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.111.600	7.546.500	10.565.100	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
20	24147002	Phan Lê Anh	17	12	8,98	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.602.300	7.546.500	9.055.800	SV đã nhận HB Đầu vào (50% học phí thực đóng)	Hóa học
21	24147003	Vũ Hoàng Minh	17	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.111.600		18.111.600		Hóa học
22	24147008	Phan Nguyễn Thanh Tài	17	12	9,23	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.111.600	15.093.000	3.018.600	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	Hóa học
23	24147020	Đinh Ngọc Quý	17	12	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	18.111.600		18.111.600		Hóa học
24	24147024	Trần Hữu Thịnh	17	12	8,9	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	16.602.300		16.602.300		Hóa học
25	24247012	Trần Đức Thịnh	19	14	9,16	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.502.040		22.502.040		CNKT Hóa
26	24247068	Hà Huy Hoàng	19	14	9,14	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.502.040		22.502.040		CNKT Hóa
27	24247090	Đỗ Tiến Minh	19	14	9,06	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.502.040		22.502.040		CNKT Hóa
28	24247118	Nguyễn Quốc Thành	19	14	9,35	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.502.040		22.502.040		CNKT Hóa
29	24247139	Phạm Nguyễn Nhật Vy	19	14	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.502.040		22.502.040		CNKT Hóa